

TRẦN THỊ NGỌC ANH, NGÔ THỊ THANH NGA
NGUYỄN THỊ HẠNH PHƯƠNG, NGÔ THU THỦY
NGUYỄN THỊ THU THỦY, NGÔ THỊ THU TRANG, PHẠM QUỐC TUẤN



CK.0000073995



NGHIÊN CỨU VÀ DẠY HỌC NGŨ VĂN

(TỪ GÓC NHÌN CỦA NHỮNG NHÀ KHOA HỌC TRẺ)

Sách tặng



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRẦN THỊ NGỌC ANH, NGÔ THỊ THANH NGA
NGUYỄN THỊ HẠNH PHƯƠNG, NGÔ THU THÙY
NGUYỄN THỊ THU THÙY, NGÔ THỊ THU TRANG, PHẠM QUỐC TUẤN

**NGHIÊN CỨU VÀ DẠY HỌC
NGŨ VĂN**

(TỪ GÓC NHÌN CỦA NHỮNG NHÀ KHOA HỌC TRẺ)

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
NĂM 2016**

MÃ SỐ: $\frac{01 - 75}{\text{ĐHTN} - 2016}$

LỜI GIỚI THIỆU

Trải qua 50 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã và đang giữ vững vị trí “*Cánh chim đầu đàn*” - một trong những khoa lớn, có nhiều thành tích về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong nhà trường. Các thế hệ giảng viên vừa “*Hồng*” vừa “*Chuyên*” kế tiếp nhau chung tay xây dựng lên truyền thống vẻ vang ấy. Điều đáng phấn khởi tự hào hơn nữa là sự phát triển và lớn mạnh về đội ngũ cán bộ giảng viên trẻ của Khoa - một kết quả tốt đẹp có được nhờ đường lối, quan điểm chỉ đạo đúng đắn của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, Chi bộ, Ban Chủ nhiệm Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về công tác xây dựng đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn, phấn đấu để mỗi thầy cô giáo xứng đáng là một tấm gương sáng cho sinh viên, học viên noi theo.

Trong số các giảng viên trẻ của Khoa Ngữ văn, chúng ta vui mừng trước sự trưởng thành của hàng loạt Tiến sĩ trẻ tuổi, có năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học đầy triển vọng. Đó là các giảng viên: Trần Thị Ngọc Anh, Ngô Thị Thanh Nga, Nguyễn Thị Hạnh Phương, Ngô Thu Thuý, Nguyễn Thị Thu Thuý, Ngô Thị Thu Trang, Phạm Quốc Tuấn,... Đây là các thầy cô giáo trẻ, đã và

Nghiên cứu và dạy học Ngữ văn

đang say mê học tập, rèn luyện để ngày càng xứng đáng với các thế hệ thầy cô đi trước, và cũng để đóng góp ngày một nhiều hơn vào thành tựu chung của Khoa Ngữ văn, của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Nhân dịp kỉ niệm 50 năm thành lập của Khoa và của nhà trường, các thầy cô giáo trẻ ấy đã xuất bản cuốn sách ***“Nghiên cứu và dạy học Ngữ văn (Từ góc nhìn của những nhà khoa học trẻ)”***. Có thể coi công trình nghiên cứu này là một bó hoa tươi thắm mà tập thể tác giả muốn kính dâng lên Trường Đại học Sư Phạm - Đại học Thái Nguyên, một bài ca khoa học trẻ trung kịp ngân vang trong ngày hội Khoa Ngữ văn thiêng liêng và xúc động sắp tới. Công trình nghiên cứu tập hợp một số bài viết xuất sắc của tập thể tác giả này không chỉ có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, mà còn như một ***“Khúc tri ân”*** đậm thắm, với các thế hệ thầy cô giáo lớp trước đã có công chăm sóc, vun trồng để có được những thế hệ giảng viên trẻ, kế tục xứng đáng truyền thống vẻ vang của Khoa Ngữ văn có được ***“hoa thơm quả ngọt”*** trong sự nghiệp ***“trồng người”*** hôm nay.

Với tất cả những ý nghĩa thiêng liêng và xúc động ấy, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên trân trọng giới thiệu công trình ***“Nghiên cứu và dạy học Ngữ văn (Từ góc nhìn của những nhà khoa học trẻ)”*** tới bạn đọc yêu quý.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

“CHÍ PHÈO” (NAM CAO) NHÌN TỪ KÍ HIỆU HỌC

Trần Thị Ngọc Anh*

1. Kí hiệu học là một trong những trung tâm điểm của hoạt động nghiên cứu văn học hiện nay. Trên bình diện này các nhà nghiên cứu đề nghị quy mọi đối tượng vào phạm trù kí hiệu. Có nghĩa là để phân tích tìm hiểu đối tượng, người ta phải giải mã các kí hiệu đã tạo nên nó.

Vậy quan niệm thế nào là kí hiệu?

Hiện nay có ba định nghĩa về kí hiệu được chấp nhận rộng rãi nhất.

Thứ nhất, định nghĩa mẫu mực và phổ biến về kí hiệu học là định nghĩa dựa vào đối tượng kí hiệu học là khoa học về các kí hiệu hoặc về các hệ thống kí hiệu.

Tuy nhiên cách định nghĩa này gặp phải vấn đề. Vậy, cái gì là kí hiệu khi mà bản thân kí hiệu cũng là một diễn ngôn? Bởi, có rất nhiều điều kiện quy định và yêu cầu việc: lúc nào, ở đâu chúng ta xem hoặc không xem một vật nào đó là kí hiệu. Ví dụ như tiền là vật (kí hiệu) có ý nghĩa vô cùng quan trọng với người lớn, người nghèo nhưng nó cũng không trở nên quan trọng với trẻ nhỏ và những người giàu (rất giàu).

* Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Thứ hai, định nghĩa kí hiệu dựa vào phương pháp kí hiệu là khoa học đem các phương pháp ngôn ngữ học áp vào những đối tượng khác, không phải là ngôn ngữ tự nhiên.

Điều này đồng nghĩa kí hiệu học là một phương pháp nghiên cứu bất kỳ cái gì có tổ chức và chức năng tựa như ngôn ngữ. Để từ đó chỉ ra rằng kí hiệu học là sự dịch chuyển của ẩn dụ ngôn ngữ sang mọi loại hiện tượng không phải ngôn ngữ. Vì thế, một trong những nền tảng của kí hiệu học là sự mở rộng ý nghĩa của các thuật ngữ ngôn ngữ học hoặc miêu tả theo kiểu ẩn dụ tất cả những gì với tư cách là ngôn ngữ.

Thứ ba là định nghĩa của Iu. M. Lotman. Theo Lotman: kí hiệu học là khoa học về các hệ thống giao tiếp và các kí hiệu được sử dụng trong quá trình thông tin. Theo đó, ông cho rằng, văn hoá là một hệ thống kí hiệu, thế giới là một văn bản. Muốn chiếm lĩnh được văn hoá phải chiếm lĩnh được mã và tìm cách bẻ khoá những mã ấy.

Như vậy, các định nghĩa về kí hiệu học về cơ bản đều sát kí hiệu học trên ba bình diện:

Cú pháp học: nghiên cứu tổ chức và cấu trúc nội tại của hệ thống kí hiệu độc lập với diễn giải.

Ngữ nghĩa học: nghiên cứu quan hệ giữa kí hiệu và cái được biểu nghĩa.

Dụng học: nghiên cứu quan hệ giữa kí hiệu và người tiếp nhận tức là vấn đề diễn giải kí hiệu bằng các mặt: ai sử dụng kí hiệu, lợi ích, giá trị của nó đối với người diễn giải.

Như vậy, kí hiệu học có thể mở ra những khả năng nghiên cứu mới cho thế giới, đặc biệt là trong lĩnh vực văn hoá, trong đó có văn học nghệ thuật. Nếu như trường phái Tartus Moskva quy mọi đối tượng hay trung tâm nghiên cứu của kí hiệu học là văn bản thì điều đó chứng tỏ bản chất của kí hiệu bao gồm cả kí hiệu và cái đằng sau và thông qua kí hiệu là trường nghĩa (ý nghĩa của kí hiệu sau khi được giải mã).

Nhưng vấn đề quan trọng ở chỗ, người ta có thể giải mã kí hiệu để tạo ra trường nghĩa (ý nghĩa) bằng cách nào? Ở đây nếu ta liên tưởng đến sơ đồ giao tiếp của R.Jakobson thì người nghiên cứu có thể có những gợi ý quan trọng.

Theo R. Jakobson có sáu thành tố trong quá trình giao tiếp:

Ngữ cảnh

Thông tin (văn bản)

Người phát

Người nhận

Mã (ngôn ngữ)

Sự tiếp xúc

Trong sơ đồ này thì người phát diễn đạt thông tin nhờ sự trợ giúp của ngôn ngữ và có tính đến ngữ cảnh, anh ta chuyển thông tin ấy cho người nhận qua kênh tiếp xúc. Tuy nhiên, vấn đề ở chỗ nếu mã bằng ngôn ngữ thì kí hiệu nằm ở đâu trong quá trình giao tiếp. Sơ đồ trên mới chỉ đề cập người phát – người nhận thế còn nhân vật trung gian, kí hiệu thứ ba trong ngôn ngữ (kí hiệu nhà lời nửa trực tiếp) sẽ sắp vào đâu.

Có thể nhận thấy ngôn ngữ phải chăng cũng là một kí hiệu cần được giải mã, chứ bản thân nó chưa thể là mã được. Vì thế, nếu ngôn ngữ chính là mã thông tin thì người ta không cần phải tranh luận cũng không cần phải chỉ ra những mặt khác nhau của cùng một vấn đề. Vì vậy, cũng không cần phải nghiên cứu tiếp nhận như một khoa học có ý nghĩa hoàn toàn độc lập. Do đó việc đặt vấn đề nghiên cứu ngôn ngữ như một hệ thống ký hiệu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Việc làm này thành công sẽ tạo ra một “khúc ngoặt ngôn ngữ” vô cùng quan trọng. Khúc ngoặt này có thể sẽ làm thay đổi cách nghiên cứu về ngôn ngữ. Ngôn ngữ với tất cả đặc điểm “kiên cố” của nó có thể sẽ được lý giải không chỉ trên nền tảng ngôn ngữ học mà còn trên nền tảng xã hội học, văn hóa học thông qua các dạng thức tổ chức ký hiệu.

2. Văn học nghệ thuật với tư cách là một tổ chức ngôn ngữ đặc biệt trên cơ sở này có thể cũng sẽ được lý giải ở những bình diện khác với truyền thống. Cách giải mã này theo chúng tôi có thể giúp chúng ta lý giải được căn nguyên của các cách thức cũng như ý nghĩa tiếp nhận tác phẩm văn học khác nhau của bạn đọc. Ký hiệu học vì vậy có thể giúp cho việc tiếp nhận và lý giải tác phẩm văn học được cởi mở và linh hoạt hơn. Đặc biệt là việc tiếp nhận và nghiên cứu tác phẩm văn học trong môi trường giáo dục của các bậc học. Chúng tôi thử lựa chọn phân tích tác phẩm “Chí Phèo” (Nam Cao) và nhận thấy những tín hiệu khả thi trong việc sử dụng ký hiệu học để lý giải các bình diện khác nhau của tác phẩm văn học.

“Chí Phèo” (Nam Cao) là một tác phẩm quen thuộc đối với nhiều người Việt Nam từ giới nghiên cứu văn học đến sinh viên và

học sinh nhà trường các cấp. Tác phẩm đã làm tốn không ít giấy mực của giới phê bình và là chủ đề của rất nhiều bài thi, bài kiểm tra, đề tài khoa học, luận văn các cấp. Tuy vậy, nhìn “Chí Phèo” từ góc độ ký hiệu học thì hầu như chưa thấy xuất hiện.

Trước hết để có thể phân tích tác phẩm “Chí Phèo” dưới góc độ kí hiệu học thì người phân tích phải coi tác phẩm – hình thức ngôn từ trước mắt người đọc là một hệ thống kí hiệu cần được giải mã để khẳng định giá trị nội dung cũng như nghệ thuật. Vì thế, đưa ra một cách hiểu một cách lí giải về tác phẩm chính là đề xuất một cách giải mã hệ thống kí hiệu. Vậy, điều kiện để thiết lập mã và tiến hành giải mã ở đây là gì? Có thể hiểu đó là bối cảnh văn hóa của người tiếp nhận và của cả tác phẩm; Quan điểm giải mã (Đứng từ góc độ, khía cạnh nào) của người tiếp nhận; Sự lôgic về mặt ngôn ngữ của hệ thống kí hiệu. Sở dĩ nói lôgic về mặt ngôn ngữ là vì: tác phẩm văn học về mặt chất liệu là sản phẩm của ngôn ngữ (hay ngôn từ - tức lời nói viết). Vì vậy, lôgic ngữ nghĩa trong ngôn ngữ học là điều kiện quan trọng để tìm hiểu và lí giải tác phẩm.

Ở tác phẩm "Chí Phèo" người ta có thể nhận thấy ba phương diện phản ánh cơ bản được biểu hiện thông qua kí hiệu. Đó là:

Đời sống văn hoá làng quê (làng Vũ Đại) Việt Nam những năm 1930- 1945 - những năm đói khổ bậc nhất trong lịch sử. Nắm bắt những nét văn hoá này một mặt người ta dựa vào một hệ thống kí hiệu ngôn ngữ biểu đạt những ý nghĩa văn hoá làng quê. Nhưng, mặt khác, để hiểu được những kí hiệu ấy thuộc về văn hoá làng quê ta lại phải đặt nó trong phạm trù văn hoá làng quê nói chung. Hay